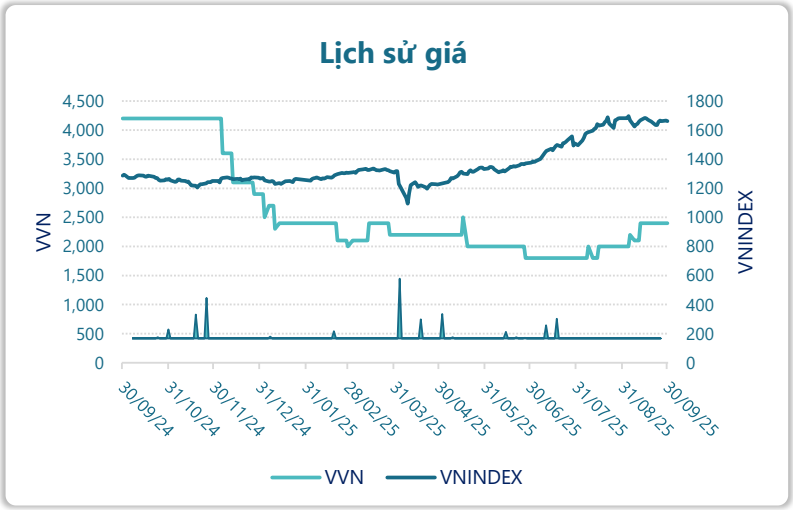
FireAnt

Tổng CTCP Xây dựng Công nghiệp Việt Nam (UPCOM: VVN)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**2,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,800
SL cổ phiếu LH	55,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	85
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	132
P/E	-0.4
EPS	-6,848

DT thuần

Q3/25

925

tỷ VNĐ

QoQ: ▼136| -12.8%

YoY: ▼44.0| -4.5%

LN sau thuế

Q3/25

-103

tỷ VNĐ

QoQ: ▼18.6| -21.5%

YoY: ▼25.5| -32.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-5.3%

+/- YoY: ▼ 2.3%

DT thuần

9T 2025

2,776

tỷ VNĐ

YoY: ▼329| -10.6%

LN sau thuế

9T 2025

-265

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 63.0| 19.3%

ROE

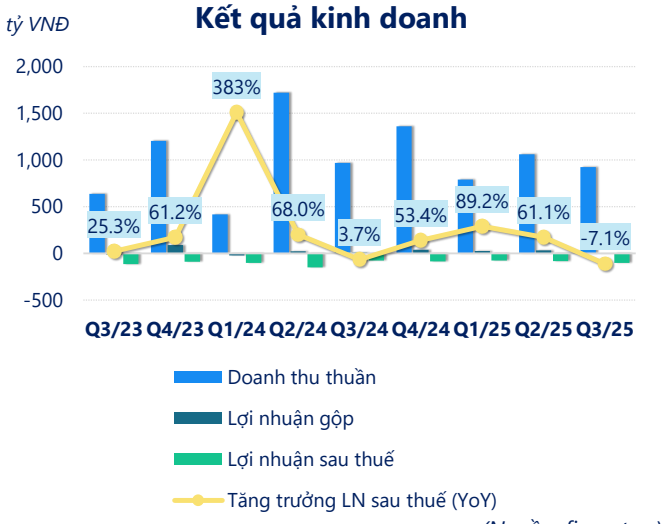
Q3/25

17.3%

+/- YoY: ▼ 7.8%

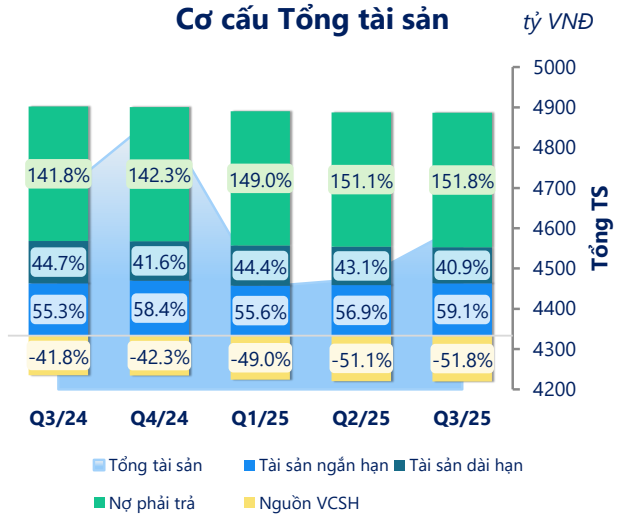
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



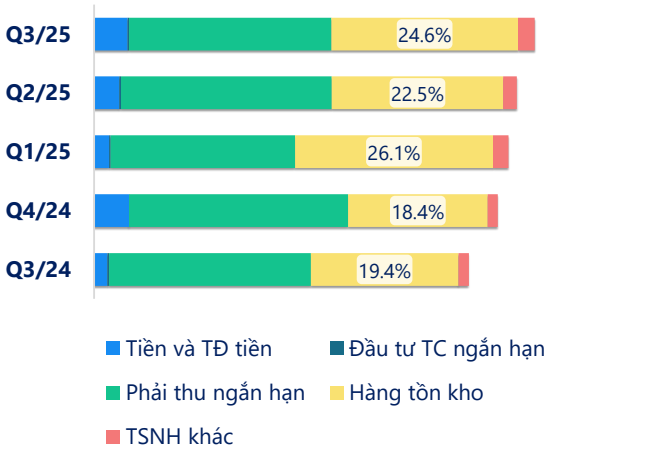
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



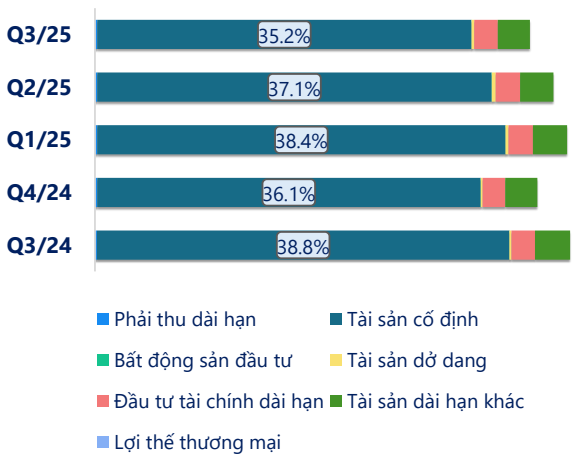
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



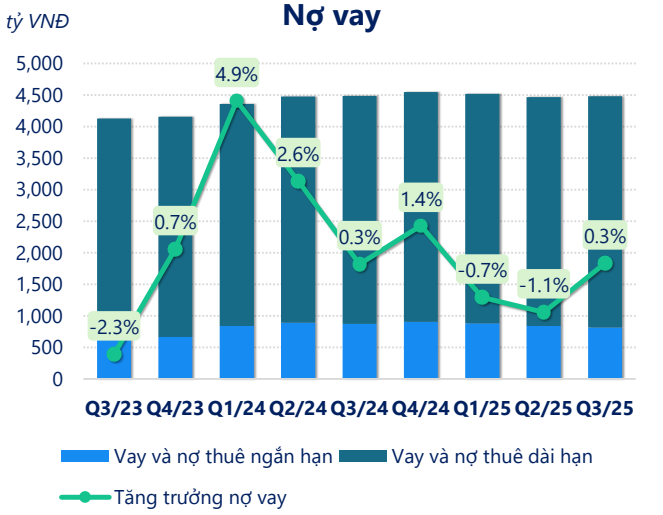
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



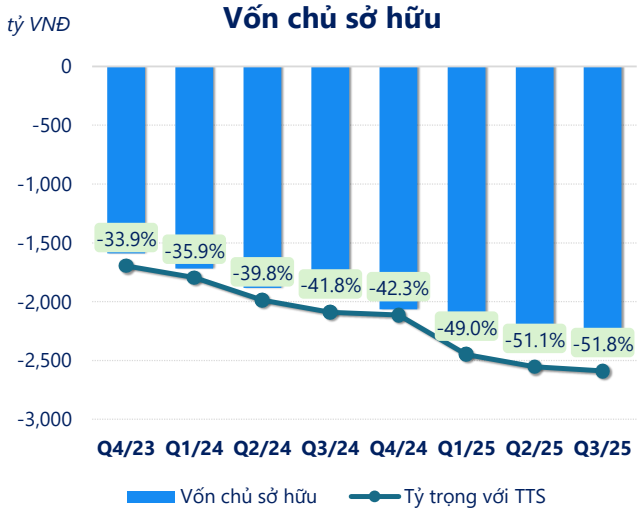
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



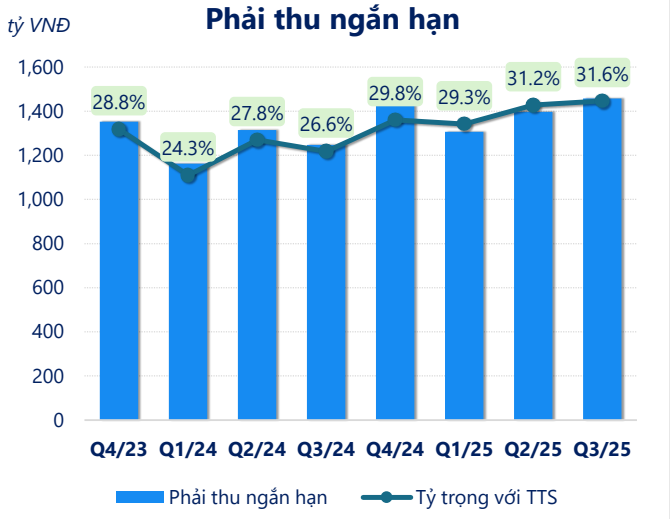
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



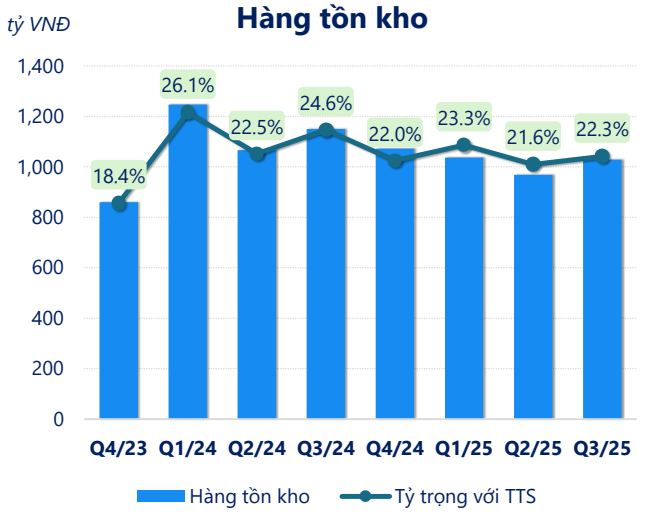
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



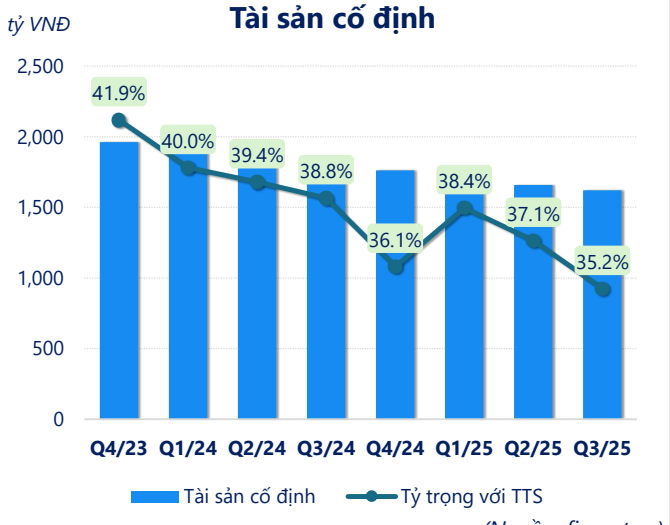
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



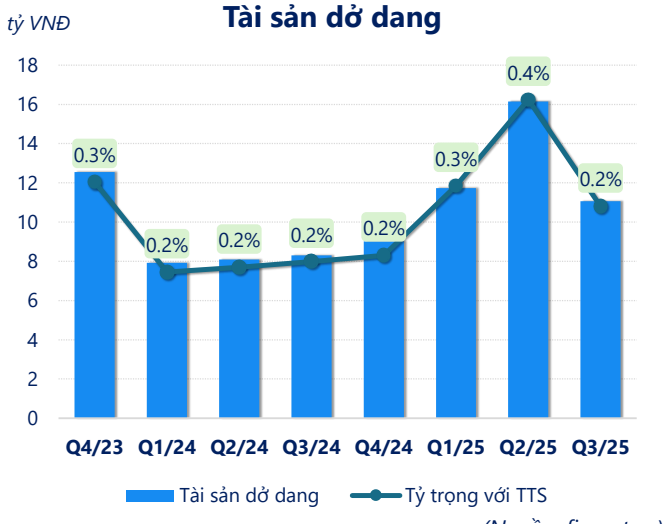
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



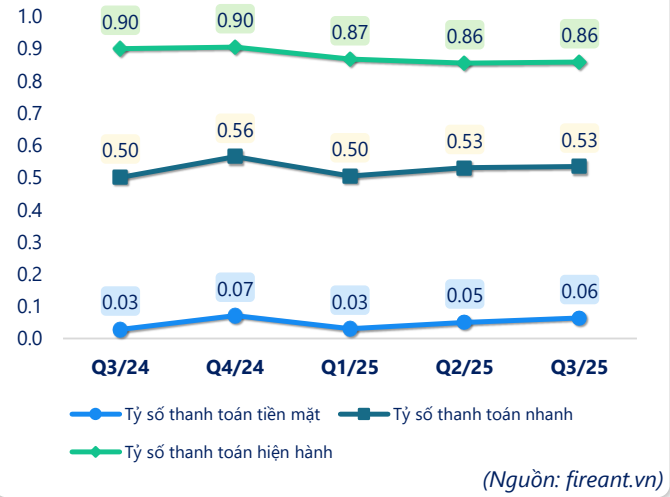
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



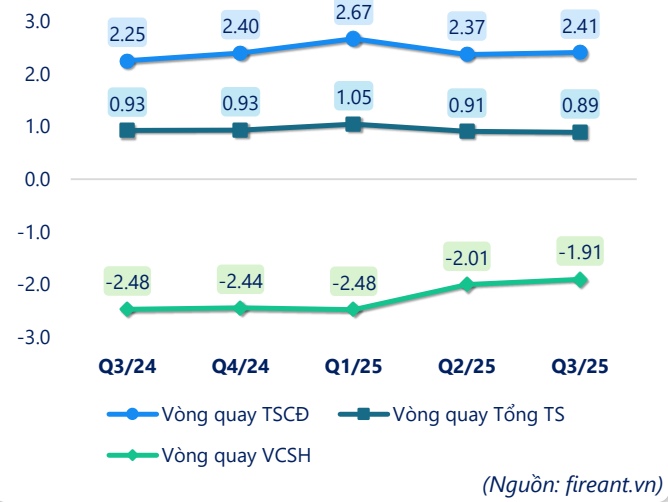
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**4,681**	**4,885**	**4,454**	**4,475**	**4,608**
Tài sản ngắn hạn	**2,590**	**2,853**	**2,477**	**2,546**	**2,723**
Tiền và tương đương tiền	81.0	224	88.3	149	203
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.29	15.0	9.73	9.95	12.3
Phải thu ngắn hạn	1,247	1,454	1,307	1,397	1,458
Hàng tồn kho	1,150	1,073	1,037	968	1,028
Tài sản ngắn hạn khác	102	87.9	34.4	21.7	22.2
Tài sản dài hạn	**2,091**	**2,032**	**1,978**	**1,929**	**1,885**
Phải thu dài hạn	8.93	9.76	9.76	9.76	10.1
Tài sản cố định	1,815	1,761	1,709	1,659	1,621
Bất động sản đầu tư	1.00	1.00	1.00	1.00	1.00
Tài sản dở dang	8.31	9.02	11.7	16.2	11.1
Đầu tư tài chính dài hạn	103	103	102	102	102
Tài sản dài hạn khác	154	147	144	140	139
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**6,639**	**6,951**	**6,637**	**6,760**	**6,994**
Nợ ngắn hạn	**2,878**	**3,154**	**2,855**	**2,977**	**3,173**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	872	904	884	841	816
Phải trả người bán ngắn hạn	1,119	1,307	1,166	1,096	1,134
Nợ dài hạn	3,761	3,797	3,782	3,783	3,821
Vay và nợ thuê dài hạn	3,615	3,644	3,634	3,626	3,665
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-1,958**	**-2,066**	**-2,182**	**-2,286**	**-2,386**
Vốn chủ sở hữu	**-1,958**	**-2,066**	**-2,182**	**-2,286**	**-2,386**
Vốn điều lệ	550	550	550	550	550
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)